

Điều 54. — Mỗi lần trước khi chạy, lấy hoặc bơm dầu lên thuyền trưởng, sà lan trưởng phải trực tiếp kiểm tra các biện pháp đảm bảo an toàn.

Điều 55. — Khi có người lạ mặt xuống tàu, sà lan, ngay từ khi mới tới, trước nhất kiểm tra thử lại các vật dùng dễ gây nên hỏa hoạn như diêm, bật lửa, thia khóa... và phải nói cho họ biết những điều cần thiết về phòng hỏa trên tàu.

Điều 56. — Trước khi cho dầu hoặc thùng phuy dầu xuống tàu, sà lan chở dầu và trước khi tàu hoặc sà lan rời bến, phải kiểm tra các phương tiện chữa cháy có tốt không. Nếu không tốt thì không được tiến hành xuống dầu, không được rời bến.

Thuyền trưởng, sà lan trưởng cùng với đội trưởng đội chữa cháy làm nhiệm vụ kiểm tra này.

Điều 57. — Trên tàu hoặc sà lan, phải có một quyển sổ kiểm tra, phòng cháy. Mỗi lần, người đội trưởng chữa cháy của Cảng xuống kiểm tra phòng cháy, có nhận xét điểm gì thì ghi vào sổ này. Sổ này có ghi đủ phương tiện chữa cháy trên tàu hoặc trên sà lan.

Bảng chế độ phòng, chữa cháy phải treo tại phòng thuyền trưởng. Phải có bảng ghi rõ trách nhiệm của từng người (từ thuyền trưởng đến các thủy thủ) phải làm gì khi có cháy.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

Điều 58. — Thuyền trưởng, sà lan trưởng là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác phòng, chống hỏa của tàu, sà lan mình.

Điều 59. — Thuyền trưởng, sà lan trưởng là người quyết định các biện pháp cứu chữa khi xảy ra tai nạn.

Điều 60. — Thủy thủ dưới tàu phải chấp hành chế độ nội quy về phòng, chống hỏa thật nghiêm khắc.

Điều 61. — Những người làm công tác dưới tàu, sà lan chở dầu vi phạm vào thể lệ nội quy phòng, chống hỏa sẽ tùy theo nặng nhẹ mà phê bình, cảnh cáo hoặc đuổi ra khỏi xí nghiệp và truy tố trước pháp luật.

Điều 62. — Ngoài thủy thủ ra, bất luận ai xuống dưới tàu, sà lan chở dầu làm công tác gì đều phải tuân theo nội quy của tàu và mệnh lệnh của thuyền trưởng.

Ban hành kèm theo quyết định số 174-QĐ
ngày 31-1-1962

K. T. Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải,

Thư trưởng

DƯƠNG BẠCH LIÊN

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

THÔNG TƯ số 3-CT/VP/N22 ngày 26-1-1962
về cho vay kinh doanh sản xuất ngoài
kế hoạch đối với nông trường quốc
doanh trung ương.

I. MỤC ĐÍCH

Theo chỉ thị số 471 ngày 9-12-1961 của Thủ tướng Chính phủ thi đối với ngành nông trường quốc doanh, trên nguyên tắc phải cố gắng bảo đảm kế hoạch của Nhà nước về sản xuất và về kiến thiết cơ bản (cả về mặt các chỉ tiêu số lượng và các chỉ tiêu chất lượng). Nông trường được phép làm một số kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch, được phép làm thêm khối lượng kiến thiết cơ bản ngoài kế hoạch. Nhà nước đã giao cho Bộ Nông trường trong phạm vi kỹ thuật và trong phạm vi biên chế đã được quy định bằng cách sử dụng hợp lý nhất nhân tài, vật lực, khai thác khả năng tiềm tàng của các nông trường quốc doanh để tăng thêm nguồn vốn và nguồn vật tư mà mở rộng sản xuất và kiến thiết.

Về tổ chức kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch trong chỉ thị có nêu, nông trường làm những việc này là nhằm tận dụng một cách hợp lý các nguồn tài nguyên của nông trường, ví dụ như tổ chức sản xuất than, xẻ gỗ ván sàn, nuôi cá, v.v... và có quy định. Bộ Nông trường quốc doanh phải cố gắng sử dụng các nguồn vốn sẵn có của nông trường để làm các việc trên đây, nếu cần thêm vốn thì có thể được vay tiền ở Ngân hàng Nhà nước để làm. Đó mục đích cho vay của Ngân hàng là: tiếp thêm một phần vốn cho các nông trường, sau khi các nông trường đã động viên thật hết các nguồn vốn có thể sử dụng được trong nội bộ mà còn thiếu, nhằm giúp cho nông trường có khả năng khai thác lực lượng tiềm tàng để đẩy mạnh sản xuất, cung cấp thêm nhiều sản phẩm cho công nghiệp và xuất khẩu, tăng tích lũy cho Nhà nước, cải thiện đời sống cho lao động.

II. NGUYÊN TẮC CHO VAY

Việc cho vay tổ chức kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch của nông trường phải đảm bảo các nguyên tắc tin dụng ngắn hạn của nông trường sau đây:

— Cho vay có mục đích, có kế hoạch, và theo mức thực hiện kế hoạch: Nông trường không được dùng tiền vay loại này để sử dụng vào công việc khác. Nói ngoài kế hoạch là ngoài kế hoạch của Nhà nước, nhưng đối với nông trường phải có kế hoạch về loại này và kế hoạch đó phải được Bộ Nông trường xét duyệt, Ngân hàng đồng ý và có ghi trong kế hoạch vay vốn của Ngân hàng. Vốn vay có thể cấp làm nhiều lần tùy theo mức thực hiện kế hoạch.

Tiền vay có vật tư tương đương đảm bảo : Vay tiền Ngân hàng để làm cái gì, mua cái gì phải làm ra cái ấy hoặc mua được cái ấy. Nếu không có những cái ấy thì Ngân hàng thu hồi vốn về, vì như thế là vốn vay không có bảo đảm.

Tiền vay phải trả đúng thời hạn. Khi vay vốn nông trường phải thảo luận với Ngân hàng, định kỳ hạn trả nợ, xuất phát từ ngày có thể có thu nhập do vốn vay đó đưa lại. Việc trả nợ có thể định làm nhiều lần, nhưng lần cuối cùng trả xong nợ không quá 12 tháng kể từ ngày vay.

III. ĐIỀU KIỆN CHO VAY

— Việc kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch này nhất thiết không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch Nhà nước của nông trường. Ngân hàng Nhà nước cho vay các khoản này chỉ là cho vay ngắn hạn.

— Nông trường phải có kế hoạch sản xuất, tài vụ cụ thể được Bộ Nông trường xét duyệt và gửi trước đến Ngân hàng.

Đối với những công trình tương đối phức tạp phải có đồ án thiết kế cũng được Bộ Nông trường xét duyệt và gửi đến Ngân hàng.

— Phải có hợp đồng của tổ chức thu mua nhận mua sản phẩm làm ra được ký kết giữa nông trường và tổ chức tiêu thụ.

— Phải có sổ sách ghi chép theo dõi riêng loại kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch và định kỳ báo cáo cho Ngân hàng.

— Công việc kinh doanh nhất thiết phải có lãi. Khi công việc kinh doanh ngoài kế hoạch đã có hiệu quả kinh tế, dù chưa có lãi nhiều đi nữa, Ngân hàng có thể cho vay tru đãi, nghĩa là dễ dãi trong việc cho vay thu nợ ví dụ: đối với nợ đến hạn thì có thể kéo dài thời hạn mà không chuyển qua nợ quá hạn, v.v...

IV. — ĐỐI TƯỢNG CHO VAY

1. Cho vay xây dựng cơ sở kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch.

a) Cho vay xây dựng trại, bệ đẻ máy, công trình trực tiếp phục vụ cho việc sản xuất như xây nền chuồng bò bằng xi măng để lấy nước đá bò làm át-xít, sửa chữa hồ ao thả cá, v.v...

b) Mua sắm các phương tiện dụng cụ dùng cho kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch như máy nổ, pin xay bột giấy, máy cưa xẻ ván sàn, v.v...

Đối với hai loại cho vay trên phải do Ngân hàng Trung ương xét duyệt.

2. Cho vay các loại dự trữ dùng cho kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch như nhiên liệu, vật liệu, các phụ tùng thay thế, những dụng cụ rẻ tiền dùng trong sản xuất.

Vì nguyên liệu thì chủ yếu do nông trường sử dụng những nguyên liệu do các ngành hoạt động chính của nông trường mà có, như gỗ do khai hoang, nước đá bò do chăn nuôi, nên Ngân hàng không cho vay. Đối với nguyên liệu, Ngân hàng chỉ cho vay về chi phí thu nhặt và vận chuyển đến nơi chế biến nếu có. Trường hợp để sử dụng hết công suất của máy móc và bên ngoài có những nguyên liệu ấy không ai tiêu thụ, Nông trường cần mua thêm để sản xuất thì Ngân hàng có thể cho vay, nhưng đại bộ phận phải là nguyên liệu có trong nông trường ví dụ: Nông trường sản xuất cói, dùng số cói loại ra làm bột giấy, nếu các hợp tác xã ở xung quanh cũng có loại cói không dùng, Nông trường mua để sản xuất thì Ngân hàng có thể cho vay tiền để mua thêm.

— Nếu hoạt động chính của nông trường không có sản xuất hoặc sản xuất rất ít loại nguyên liệu ấy mà phải mua toàn bộ hay phần lớn nguyên liệu ở ngoài thì Ngân hàng không cho vay. Ví dụ: Nông trường không có đánh cá hoặc đánh được ít cá mà đi mua đại bộ phận cá ngoài để làm mắm thì Ngân hàng không cho vay. Sở dĩ Ngân hàng không cho vay để mua toàn bộ hay phần lớn nguyên liệu bên ngoài vì nông trường làm như thế không đúng nghĩa của việc kinh doanh ngoài kế hoạch là nhằm tận dụng những nguyên liệu trong nội bộ nông trường, có như thế kinh doanh ngoài kế hoạch mới chắc chắn có lãi.

3. Cho vay các loại chi phí trực tiếp dùng cho sản xuất như chi phí vận chuyển, chi phí sửa chữa, v.v... Đối các loại chi phí gián tiếp Ngân hàng không cho vay.

4. Cho vay thanh toán. Khi sản phẩm của loại kinh doanh ngoài kế hoạch đã được chở đi cho xí nghiệp mua, nhưng chưa được xí nghiệp mua trả tiền thì Ngân hàng cho nông trường vay để tiếp tục sản xuất và sẽ thu hồi nợ khi xí nghiệp mua trả tiền. Thủ tục cho vay thanh toán theo như thể lệ cho vay thanh toán của Ngân hàng.

Đối với các loại sản xuất chính của nông trường như trồng trọt, chăn nuôi đã có trong kế hoạch của Nhà nước giao cho nông trường mà nông trường có khả năng sản xuất vượt kế hoạch thì nông trường phải xin điều chỉnh kế hoạch được Bộ Nông trường xét duyệt, Ngân hàng sẽ cho vay theo loại cho vay trên định mức trong kế hoạch như từ trước đến nay. Các loại này không thuộc đối tượng của loại cho vay kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch.

V. LÃI SUẤT CHO VAY

Theo lãi suất cho vay nông trường hiện hành.

- Các loại xây dựng, dự trữ, chi phí sản xuất, lãi suất: 0,3 % 1 tháng
- Cho vay thanh toán 0,2 % 1 tháng
- Nợ quá hạn 0,45% 1 tháng

VI. THỜI HẠN CHO VAY

Thời hạn cho vay đối với tất cả các loại trên (kể cả xây dựng, mở rộng thêm cơ sở, dự trữ và chi phí sản xuất) tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày vay. Không trả đúng hạn sẽ chuyển qua nợ quá hạn và tính lãi cao hơn gấp ruồi trong thời gian quá hạn. Riêng nợ đến hạn vào tháng 12 mà Nông trường không trả được thì Bộ Nông trường phải thanh toán nợ cho Ngân hàng bằng cách Ngân hàng sẽ trích tài khoản của Bộ để thu hồi nợ.

VII. THỦ TỤC CHO VAY, THU NỢ

Vì kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch của nông trường phải được Bộ Nông trường xét duyệt trước rồi Ngân hàng mới cho vay; do đó nông trường nào muốn kinh doanh ngoài kế hoạch loại nào phải làm kế hoạch cụ thể về loại ấy và gửi về Bộ Nông trường. Ngân hàng địa phương cần tham gia với nông trường trong việc xây dựng kế hoạch để sau này xét duyệt cho vay được dễ dàng. Khi tham gia lập kế hoạch với nông trường, các chi điểm, chi nhánh cần nắm tình hình cụ thể và phản ảnh về Ngân hàng trung ương với ý kiến mình đề xuất. Khi kế hoạch của nông trường được Bộ Nông trường xét duyệt và Ngân hàng trung ương thỏa thuận cho vay thì Ngân hàng trung ương sẽ phân phối chỉ tiêu về các chi nhánh, chi điểm cho vay.

1. Cho vay một lần, phát tiền nhiều lần. Nông trường có thể làm đơn xin vay một lần về toàn bộ số vốn dùng cho kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch, nhưng Ngân hàng chỉ phát tiền dần theo mức thực hiện của nông trường. Mỗi lần nhận tiền nông trường phải làm giấy nhận nợ và Ngân hàng chỉ tính lãi từ ngày nông trường nhận tiền vay.

2. Nông trường phải báo cáo kịp thời việc sử dụng vốn vay cho Ngân hàng phục vụ mình. Lần nhận tiền sau, nông trường phải suất trình cho Ngân hàng những chứng từ chi tiền vay lần trước vào công việc kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch.

3. Trong thời gian cho vay, Ngân hàng phải thường xuyên theo dõi việc sử dụng của nông trường. Khi nợ gần đến hạn Ngân hàng phải báo cho nông trường biết để chuẩn bị tiền trả nợ. Trong khi vay vốn, nếu nông trường dùng vốn không đúng như trong kế hoạch thì Ngân hàng địa phương phải trực tiếp góp ý kiến với nông trường để khắc phục, nếu nông trường vi phạm nhiều lần mà không sửa chữa thì Ngân hàng cùng với nông trường lập biên bản báo cáo về Bộ Nông trường, Bộ Tài chính và Ngân hàng trung ương đồng thời có thể đình chỉ việc cho vay và đợi ý kiến của Ngân hàng trung ương.

VIII. CÁCH GHI CHÉP KẾ TOÁN THỐNG KÊ BÁO CÁO

Khi cho vay loại này, kế toán vẫn ghi nợ vào tài khoản «5-78» cho vay nông trường quốc doanh trung ương và tạm ghi chung vào tiêu khoản ngắn

hạn «15» cho vay kinh doanh ngoài nông nghiệp. Nhưng khi ghi vào tiêu khoản cần chú thích rõ để dễ theo dõi về loại cho vay này. Trường hợp Nông trường có vay thanh toán về loại này thì vẫn ghi chung vào tài khoản cho vay thanh toán, không cần phân biệt riêng.

Loại cho vay kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch đối với nông trường là loại cho vay đặc biệt, nên việc theo dõi của chi nhánh cũng như của trung ương phải chặt chẽ, thường xuyên, kịp thời.

Trong thống kê báo cáo thường kỳ của chi nhánh gửi về Ngân hàng trung ương phải thống kê riêng loại này, có ghi ý kiến đánh giá tác dụng của việc cho vay. Trường hợp bất thường phải báo cáo kịp thời cho Ngân hàng trung ương nghiên cứu giải quyết. Các chi nhánh, chi điểm cần chú ý giữ vững kỷ luật kế hoạch vốn và chấp hành đầy đủ chế độ trình thị báo cáo về loại cho vay này.

Kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch của nông trường có tính chất đặc biệt và tạm thời vì có thể sau một thời gian nông trường không làm loại ấy nữa mà chuyển sang làm loại khác có lợi hơn. Do đó mà việc cho vay loại này của Ngân hàng cần phải hết sức tính toán cụ thể cần thận xét thấy thật có hiệu quả kinh tế mới cho vay.

Khi nông trường xây dựng kế hoạch, Ngân hàng cần tích cực tham gia ý kiến trong việc sử dụng nhân tài vật lực trong nông trường cùng với nông trường tính toán thật cụ thể những chi phí và khả năng thu nhập của loại này, đảm bảo sản xuất có lợi chắc chắn và không ảnh hưởng đến việc sản xuất chính của nông trường.

Nếu xét thấy không có lợi thì có thể bàn bạc với nông trường không nên làm. Khi cho vay phải luôn luôn theo dõi việc sử dụng vốn của nông trường tính toán từng chi phí, góp ý kiến với nông trường để sử dụng vốn thật tiết kiệm, thật hợp lý, tránh lãng phí.

Trong khi thi hành có gì khó khăn, các chi nhánh, chi điểm cần báo cáo kịp thời để Ngân hàng trung ương biết và hướng dẫn thêm.

Hà nội, ngày 26 tháng 1 năm 1962

Q. Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam,
TẠ HOÀNG CƠ

BỘ NGOẠI THƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH số 71 ngày 25-1-1962 về việc quy định chế độ hội họp, học tập tại các trạm, cửa hàng, kho, công trường, xí nghiệp thuộc Bộ Ngoại thương.

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ vào quyết định số 76 — CP ngày 24-5-1961 của Hội đồng Chính phủ về chế độ hội họp, học tập trong các tổ chức cơ quan;

Sau khi đã trao đổi thống nhất với Bộ Nội vụ;